

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HSPT

Ngày: 20/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tân

Các Thẩm phán:

1/ Ông Nguyễn Thành Đăng.

2/ Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2017/HSPT ngày 29/6/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Phong P do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 19/9/1990 tại Bạc Liêu. Tên gọi khác: Hoàng; Nơi cư trú: sống lang thang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị L (chết); anh chị em ruột có 03 người lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án: một lần vào ngày 07/02/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Nhân thân: năm 2008 bị Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, năm 2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã xóa án tích; tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2016 đến nay, có mặt.

2/ **Nguyễn Phong P** (Phát Nhóc), sinh ngày 06/10/1990; nơi cư trú: số nhà 5, ấp Tân Phú, xã Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; nơi tạm trú: ấp Tân Vĩnh Thuận, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê ; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; con của ông Nguyễn Phong Ph,

sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; tiền án: 02 lần (lần thứ nhất ngày 23/9/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 07 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, lần thứ hai ngày 31/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2017 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: bà Lôi Thị D – luật sư của Văn phòng luật sư Lôi Thị D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phong P. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo: Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1/ Vụ thứ nhất:

Vào đêm 28 rạng sáng ngày 29/9/2016, Nguyễn Văn H, Nguyễn Phong P, Nguyễn Ngọc C và Trần Thành T rủ nhau đi trộm cắp tài sản. P điều khiển xe mô tô biển số 68G1 - 028.08 (xe của Tiền) chở H còn C điều khiển xe mô tô biển số 66L5 - 7014 (xe của C) chở T chạy lòng vòng địa bàn thành phố Vĩnh Long, sau đó tất cả cùng đi vào một con đường nhựa và phát hiện trong căn nhà của chị Đặng Thị Kim Ph và chị Lê Thị H số 290D và 290A (chung hàng rào và chung khoảng sân) tại ấp Tân An, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, trên hành lang nhà 290A có xe mô tô đang đậu nên cả nhóm dừng lại quan sát tìm cách vào lấy xe. Sau đó, T mở cửa rào rồi cùng với H, P vào nhà số 290A của chị Lê Thị H và dẫn ra bên ngoài 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu, biển số 84F4 - 7136 và 01 xe Cup 50 nhãn hiệu Honda màu xanh, biển số 64AC - 021.06. Sau đó cả nhóm đi đến khu dân cư xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long để tháo khung sắt gắn phía sau xe Dream rồi vứt bỏ. Sau đó, xe Cup 50 được C đi cất giữ rồi cả nhóm mang xe Dream vừa trộm được đến gửi tại nhà trọ của Nguyễn Tấn Đ, nhưng Đ không cho gửi nên cả nhóm đã dẫn xe vào một nhà hoang ở gần nhà trọ của Đ cất giấu. Sau khi cất giấu xong thì cả nhóm quay lại căn nhà vừa lấy trộm tài sản, khi đến nơi thì T và H vào trong căn nhà qua cửa rào đã mở và đến cửa sổ nhà số 290D của Đặng Thị Kim Ph, Tiền đột nhập vào bên trong nhà và mở cửa nhà dẫn xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu vàng - đen biển số 64B1- 642.82 ra cửa để H và P dẫn ra bên ngoài. Sau đó, cả nhóm đã mang xe đến nhà trọ của Đ để gửi nhưng không được Đ đồng ý nên Tiền rủ Phát chạy xe lên Thành phố Hồ Chí Minh để bán. Khi lên đến Thành phố Hồ Chí Minh, T bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch với số tiền 10.000.000 đồng rồi quay trở về Vĩnh Long chia nhau tiêu xài. Riêng xe Dream biển số 84 F4 - 7163 được P mua lại với số tiền 1.200.000 đồng, sau đó P không sử dụng nên nhờ Nguyễn Tấn Đ bán lại cho một người tên Ngh (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể

với giá 1.100.000 đồng, xe Cup 50 biển số 64AC- 021.06 H bán cho một người không rõ lai lịch với số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi bán được tài sản trừ chi phí đi lại bán xe thì H, T, C, P chia đều số tiền mỗi người là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) nhưng đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội nêu trên thì C và P trốn khỏi địa phương đến ngày 28/12/2016 Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã. Đến ngày 29/01/2017 C ra đầu thú và ngày 08/02/2017 P ra đầu thú.

Căn cứ kết luận giám định của Hội đồng định giá thì giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp được là: 50.080.000 đồng (Năm mươi triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản không thu hồi được, các bị hại yêu cầu bồi thường theo kết luận định giá tài sản là: 50.080.000 đồng, các bị can H, T, P và C đồng ý cùng nhau bồi thường cho bị hại nhưng chưa có tiền bồi thường.

2/ Vụ thứ hai:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 64F9 - 1122 chở theo Phan Thành V đến một khu dân cư gần Lộ Bờ Gò thuộc khóm 3, phường 9, thành phố Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến một ngã ba trong khu dân cư, H kêu V đứng đợi H cùng với xe mô tô, H đi vào nhà của anh Lương Quang T, ngụ số B153 khóm 3, phường 9, thành phố Vĩnh Long và phá cửa rào vào nhà dẫn một xe mô tô nhãn hiệu Wave RS màu đỏ có biển số xe là 64B1- 554.72, do xe không có chìa khóa nên không khởi động máy được, H kêu V lên xe vừa trộm được để H điều khiển xe của mình đẩy xe vừa trộm được đi về, cả hai mang xe vừa trộm được về để ở phòng trọ của H tại nhà trọ Thủy Tiên số 376, ấp Tân Vĩnh Thuận, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long rồi đi ngủ. Sau đó, H nhờ Nguyễn Tấn Đ tìm biển số khác để gắn vào xe vừa mới trộm được, Đạt đưa cho H biển số 51Y3 - 2635 (Không xác minh được nguồn gốc biển số). Khi đã có biển số 51Y3 - 2635 thì Vinh có lấy xe này chạy xe về Tiền Giang dán decal và thay đổi tem xe của xe nói trên rồi sử dụng cho đến khi Cơ quan điều tra phát hiện và tạm giữ tại nhà trọ của H.

Căn cứ kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản thì giá trị tài sản mà H và V trộm cắp là: 7.450.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Hiện tại Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Long đã trả lại xe cho anh Trung, anh Trung không còn yêu cầu gì.

3/ Vụ thứ ba:

Vào đêm 06 rạng sáng ngày 07 tháng 10 năm 2016, Nguyễn Quốc V (tên thường gọi là Bò) rủ Nguyễn Văn H đi trộm cắp tài sản và được H đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển số 64F9 -1122 chở Nguyễn Quốc V từ Lộ Bờ Gò đến

đường Võ Văn K rồi ra đường Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Vĩnh Long. Khi chạy qua khỏi Đội Cảnh sát giao thông Công an thành phố Vĩnh Long, cả hai ghé vào cửa hàng xe Tân Hoàng Đức của chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1965, ngụ tại số 90, đường Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Vĩnh Long. Lúc này, H đứng bên ngoài canh đường cho Việt đột nhập từ trên mái nhà vào bên trong cửa hàng và mở cửa sau của cửa hàng dẫn ra 04 chiếc xe mô tô hiệu Flyyamaha, loại xe 50 phân khối do Trung Quốc sản xuất (02 chiếc có kiểu dáng giống như xe Excenter, 02 chiếc có kiểu dáng giống như xe Sirius) ra bên ngoài cửa hàng. Cả hai đã lần lượt dẫn 02 xe mô tô có kiểu dáng giống xe Excenter cất giấu tại nhà trọ của Việt địa chỉ phòng trọ số 1 nhà trọ Bảo Ngọc số 230, ấp Tân Quới Đông, xã Trường An, thành phố Vĩnh Long. Sau đó, H gọi điện thoại cho Nguyễn Tấn Đ hỏi gửi 02 chiếc xe còn lại tại nhà trọ của Đ, Đạt hỏi H “xe đâu mà gửi”, H nói “xe ăn trộm được”, Đ biết rõ là xe trộm cắp mà có nhưng đồng ý nên H gửi tại nhà trọ của Đ - địa chỉ số 176/4B, khóm 5, phường 9, thành phố Vĩnh Long (02 xe mô tô có kiểu dáng giống như xe Sirius). Sau khi gửi xe tại nhà Đ xong thì Việt lấy xe của Đ chạy về phòng trọ của mình nghỉ ngơi. Sau khi Việt đã đi khỏi thì H tiếp tục rủ Đ đi lấy trộm tài sản, thì được Đ đồng ý cùng thực hiện. Lúc này, H chở Đ bằng xe mô tô biển số 64F9 - 1122 vào trong hẻm đến gần cửa sau của cửa hàng xe nêu trên thì Đ đứng gần cửa sau còn H thì vào bên trong cửa hàng từ cửa sau đang mở lấy được 01 xe mô tô hiệu Scoopy, loại xe 50 phân khối có kiểu dáng giống xe Excenter, sau khi lấy được tài sản thì Đ điều khiển xe mô tô biển số 64F9 -1122 đẩy xe mô tô vừa trộm được do Hồ điều khiển về cất giấu tại nhà trọ của Đ. Sau đó Đ và H đến phòng trọ của Việt, thì Đ lấy xe mô tô của mình chạy về phòng trọ nghỉ ngơi, còn Việt thì lấy xe mô tô biển số 64F9 -1122 đi chơi ở Đồng Tháp, H thì nghỉ ngơi tại phòng trọ của Việt.

Đến ngày 07/10/2017 thì cơ quan điều tra ra lệnh bắt và khám xét khẩn cấp đối với H và Đ đồng thời thu hồi toàn bộ tài sản mà các đối tượng lấy trộm được.

Căn cứ kết luận định giá của hội đồng định giá tài sản thì giá trị tài sản của 05 xe mô tô mà các bị cáo trộm cắp là: 41.649.995 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Phong P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ Điều 196, Điều 221 của Bộ luật Tố Tụng hình sự;

1/. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị tạm giữ - tạm giam ngày 07/10/2016.

2/. Áp dụng các điểm c, e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phong P 05** (năm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 26/4/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử phạt các bị cáo khác là đồng phạm trong cùng vụ án, tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17/5/2017, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/5/2017, bị cáo Nguyễn Phong P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: hai bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Phong P khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung vụ án, cụ thể bị cáo H đã thực hiện trộm 09 xe các loại, còn bị cáo P thực hiện trộm 03 xe các loại. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì các bị cáo chỉ giữ vai trò giúp sức, đồng phạm với các bị cáo khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm giải quyết vụ án: bị cáo H thực hiện trộm với tổng giá trị 99.179.000 đồng, bị cáo P thực hiện trộm với tổng giá trị 50.080.000 đồng. Bị cáo H phạm tội có tính chất tái phạm, còn bị cáo P phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Sau khi xử sơ thẩm các bị cáo không khắc phục được hậu quả của vụ án. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp được tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của hai bị cáo và giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phong P trình bày luận cứ bào chữa: cấp sơ thẩm xét xử bị cáo P về tội Trộm cắp tài sản là đúng tội danh. Tuy nhiên, mức hình phạt đối với bị cáo P so với các bị cáo khác là bị cáo C, bị cáo T và bị cáo V, thấy rằng mức hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo P là nặng hơn, vì các bị cáo đều có tiền án như nhau mà bị cáo Cường và bị cáo Tiến mức hình phạt thấp hơn là áp dụng pháp luật không chính xác. Cấp sơ thẩm có ghi tại phiên tòa Nguyễn Văn H, Trần Thành T, Nguyễn Phong P, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Quốc V, Phan Thành V và Nguyễn Tấn Đ đã trình bày thừa nhận vào các ngày 29/6/2016, ngày 05/10/2016 và ngày 07/10/2016 đã thực hiện hành vi trộm cắp các loại xe mô tô và Đạp chứa chấp tài sản cho các bị cáo H và Việt trộm cắp, như vậy bị cáo Phát hiểu rằng bị cáo cùng thực hiện tất cả các vụ trộm như bị cáo H. Cuối cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

+ Bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về phụng dưỡng cha già.

+ Bị cáo P xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo hứa sau khi chấp hành án xong bị cáo sẽ hoàn lương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Phong P và luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: mức hình phạt của bị cáo P là không tương xứng với vai trò của bị cáo, cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt không công bằng.

Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện:

+ Vào đêm 28 rạng sáng ngày 29/9/2016, Nguyễn Văn H, Nguyễn Phong P, Nguyễn Ngọc C và Trần Thành T rủ nhau đi trộm cắp tài sản và đã trộm của chị Lê Thị H 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu, biển số 84F4 - 7136 và 01 xe Cup 50 nhãn hiệu Honda màu xanh, biển số 64AC - 021.06. Sau khi cất giấu xong thì cả nhóm quay lại căn nhà vừa lấy trộm tài sản và đã lấy trộm của chị Đặng Thị Kim P 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu vàng - đen biển số 64B1-642.82.

+ Vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nguyễn Văn H và Phan Thành V vào nhà của anh Lương Quang Tr lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RS màu đỏ có biển số xe là 64B1- 554.72.

+ Vào đêm 06 rạng sáng ngày 07 tháng 10 năm 2016, Nguyễn Quốc V (tên thường gọi là Bò) và Nguyễn Văn H vào cửa hàng xe Tân Hoàng Đ của chị Nguyễn Thị Minh H, trộm 04 chiếc xe mô tô hiệu Flyyamaha, loại xe 50 phân khối do Trung Quốc sản xuất (02 chiếc có kiểu dáng giống như xe Excenter, 02 chiếc có kiểu dáng giống như xe Sirius). Sau đó, bị cáo H rủ Nguyễn Tấn Đ quay lại cửa hàng xe Tân Hoàng Đức của chị Nguyễn Thị Minh H trộm 01 xe mô tô hiệu Scoopy, loại xe 50 phân khối có kiểu dáng giống xe Excenter.

Do đó, việc cấp sơ thẩm quy kết cả 02 bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Phong P đều phạm vào tội trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ nhằm tránh khỏi mọi sự xâm hại, chính các bị cáo đã lợi dụng đêm khuya lúc người bị hại đã ngủ để lấy trộm tài sản của họ một cách trái pháp luật, nên đối với các bị cáo cần xử nghiêm khắc.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, các bị cáo là thanh niên, có đủ sức khỏe để lao động nhằm tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân; trái lại, chỉ vì muốn hưởng thụ mà không chịu làm ăn lương thiện, nên các bị cáo tụ tập, rủ nhau

tôi chạy xe tìm những nơi mất cảnh giác hay sơ hở để trộm, mà các tài sản này chủ yếu là xe mô tô, xe 2 bánh; sau khi chiếm đoạt bán lại giá rất thấp so với giá trị thật của tài sản; điều đó, cho thấy các bị cáo xem thường tài sản hợp pháp của người khác, bất chấp pháp luật. Các bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, cụ thể bị cáo H trộm giá trị trên số tiền 50 triệu đồng, bị cáo trộm 05 lần nên đã phạm vào điểm e khoản 2 Điều 138 và điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS; còn bị cáo Nguyễn Phong P đã có 02 tiền án, vào 23/9/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 07 năm tù, đến ngày 31/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội trộm cắp tài sản; như vậy, bị cáo P đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, nên phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung tăng nặng theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; tổng giá trị 03 chiếc xe là 50.080.000 đồng, nên bị cáo còn phạm vào điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Trong đêm, 28 rạng ngày 29/9/2016 bị cáo cùng với bị cáo H đã 02 lần trộm cắp, đây là tình tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự là phạm tội nhiều lần, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng là thiếu sót. Đối với các bị cáo C, bị cáo T cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đưa ra mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo, các bị cáo này không có phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

[4] Với phân tích trên thấy rằng mức hình phạt đã áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng, không nặng. Do đó, các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về nội dung xin giảm hình phạt.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận. Xét đề nghị của luật sư về việc giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo P là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Do giữ nguyên án sơ thẩm nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Phong P. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H (Hoàng)**: 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị tạm giữ - tạm giam ngày 07/10/2016.

2/. Áp dụng các điểm c, e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phong P (P Nhóc)**: 05 (năm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 26/4/2017.

Cả hai bị cáo đều bị xét xử tội “*Trộm cắp tài sản*”.

3/ Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Phong P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt của các bị cáo khác, về xử lý vật chứng và về án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TANDCC: 1;
- VKSND TVL: 2;
- TA+VKSND TPVL: 2;
- Chi cục THADS TPVL: 2;
- SỞ TƯ PHÁP: 1,
- PHÒNG HS CAVL: 1;
- TTG+BC: 04;
- Lưu hồ sơ + TNV: 4.

Lê Thành Tân